

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/DS- ST  
Ngày 02/7/2021  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
Tín dụng ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Mai Thị Nhắc

Bà Đoàn Lệ Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên

Trong ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146A/2021/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 151A ngày 18/6/2021 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ngân hàng Ado ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị R – Phó giám đốc NHNN và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Mỏ Cày Nam (có mặt).

**\* Bị đơn:** Nguyễn Văn X, sinh 1969; *Trú tại:* Ấp A, xã Thành Thới A, huyện M, tỉnh Bến Tre (có mặt).

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Nguyễn Thị M, sinh 1970; *Trú tại:* Ấp A, xã Thành Thới A, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn chị Lê Thị R trình bày:*

- Ngày 09/10/2019 ông Nguyễn Văn X nhận sự ủy quyền của vợ là bà Nguyễn Thị M có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-201903664, nội dung ông X vay ngân hàng số tiền 350.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 03 kỳ, cụ thể kỳ thứ nhất ngày 09/10/2020 trả 50.000.000 đồng tiền gốc, kỳ 2 vào ngày 09/10/2021 trả 100.000.000 đồng tiền gốc, kỳ 3 vào ngày 09/10/2022 trả 200.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất 10,5%/năm áp dụng lãi suất thả nổi, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% với lãi suất vay đã thỏa thuận. Tuy nhiên phía ông X không thực hiện đúng cam kết nội dung đã thỏa thuận, chỉ trả lãi đến ngày 17/7/2020 với số tiền lãi 28.393.151 đồng, đã vi phạm không thực hiện ngay kỳ trả nợ gốc đầu tiên từ ngày 09/10/2020 đến nay. Tính đến ngày 29/3/2021 ông X còn nợ vốn gốc 350.000.000 đồng, lãi trong hạn 25.200.000 đồng, lãi quá hạn 1.202.740 đồng. Tổng cộng 376.402.740 đồng.

Để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng, ngày 09/10/2019 ông Nguyễn Văn X nhận sự ủy quyền của vợ là bà Nguyễn Thị M có ký kết hợp đồng thế chấp số 2019.07.17.0112/HĐTC với Ngân hàng với nội dung thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất 148, 236, 155 cùng tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp An Trạch Đông, xã Thành Thới A, huyện M, tỉnh Bến Tre để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên.

Nay yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị M liên đới trả cho Ngân hàng số tiền của hợp đồng tín dụng nêu trên tổng cộng vốn, lãi suất tính từ ngày 18/7/2020 đến ngày 29/3/2021 là 376.402.740 đồng và yêu cầu ông X, bà M tiếp tục trả lãi theo hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 30/3/2021 đến khi trả tất nợ và yêu cầu cho phát mãi tài sản mà ông X đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên để đảm bảo cho việc thu hồi nợ của Ngân hàng.

Tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Văn X trình bày: Đối với hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản mà Ngân hàng trình bày là đúng, thống nhất số tiền bị đơn còn nợ như Ngân hàng yêu cầu. Nay đồng ý vợ chồng liên đới trả số tiền vốn, lãi cho Ngân hàng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xét xử hôm nay. Nếu sau 30 ngày bị đơn không thực hiện đúng cam kết thì đồng ý giao các tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng xử lý.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên sự việc trên không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

***\* Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Ngân hàng cho rằng quyền lợi của Ngân hàng bị xâm phạm bởi việc vi phạm hợp đồng tín dụng của ông X đối với Ngân hàng, nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Ngân hàng có quyền khởi kiện.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên xác lập giao dịch ngày 9/10/2019, đến ngày 09/10/2020 thì ông X không thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp, quyền lợi của Ngân hàng bị xâm phạm từ ngày 10/10/2020. Đến ngày 26/4/2021 thì Ngân hàng khởi kiện. Căn cứ điều 429, 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện trong vụ án vẫn còn.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của Ngân hàng là tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Thành Thới A, huyện M. Do đó Tòa án nhân dân huyện M thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[4] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X đã được Tòa án triệu tập xét xử 02 lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

***\* Về nội dung giải quyết vụ án:***

Giao dịch vay tiền giữa ông X với Ngân hàng được các bên tự nguyện ký kết xác lập theo hợp đồng, cụ thể:

[1] Ngày 09/10/2019 ông Nguyễn Văn X nhận sự ủy quyền của vợ là bà Nguyễn Thị M có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-201903664 với nội dung cụ thể sau: Tổng vốn vay là 350.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, trả làm 03 kỳ, kỳ đầu tiên vào ngày 09/10/2020 trả 50.000.000 đồng, thời điểm trả tất nợ ngày 09/10/2022, lãi suất 10,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% với lãi suất vay đã thỏa thuận.

[2] Nội dung của hợp đồng này được các bên tự nguyện ký kết và được các bên thừa nhận. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh. Phía Ngân hàng cho rằng bên vay chỉ đóng lãi đến ngày 17/7/2020 thì không đóng lãi tiếp, tại kỳ trả vốn gốc đầu tiên ngày 9/10/2020 ông X, bà M không thực hiện đầy đủ những nội dung các bên đã thỏa thuận cam kết trong hợp đồng, vi phạm việc trả nợ theo định kỳ. Tính đến ngày 29/3/2021 ông X, bà M phải có nghĩa vụ hoàn trả vốn gốc 350.000.000 đồng, lãi trong hạn 25.200.000 đồng, lãi quá hạn 1.202.740 đồng. Tổng cộng 376.402.740 đồng cho Ngân hàng. Do ông X vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, căn cứ nội dung hợp đồng các bên thỏa thuận thì Ngân hàng có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và các khoản lãi suất các bên thỏa thuận không vi phạm

pháp luật, nên khẳng định yêu cầu của nguyên đơn là có cứ, nên được chấp nhận toàn bộ. Việc ông X ký kết hợp đồng với Ngân hàng trên cơ sở nhận ủy quyền của vợ là bà Nguyễn Thị M, mục đích vay tiền là để làm kinh tế chung trong gia đình, nên ông X, bà M phải có nghĩa vụ liên đới đối với tất cả các khoản tiền phải thanh toán cho Ngân hàng.

[3] Quá trình ký kết hợp đồng tín dụng bà M ủy quyền cho ông X đã thế chấp cho Ngân hàng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất 148, 236, 155 cùng tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp An Trạch Đông, xã Thành Thới A, huyện M, tỉnh Bến Tre theo hợp đồng thế chấp số 2019.07.17.0112/HĐTC để đảm bảo thực hiện hợp đồng Tín dụng số 7103-LAV-201903664. Theo biên bản X xét thẩm định tại chỗ ngày 07/6/2021 của Tòa án thì tất cả tài sản trên các thửa đất là của vợ chồng ông M, không phát sinh tài sản của người khác trên đất. Do đó nếu ông X, bà M không tự nguyện thi hành nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện M cho phát mãi tài sản đã thế chấp nêu trên để thi hành nghĩa vụ của ông X, bà M.

[4] Do ông X, bà M vi phạm nghĩa vụ, nên phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng điều 292, 299, 307, 385, 422, 466 Bộ luật dân sự. Điều 95 luật tổ chức tín dụng; Điều 37 luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 2 điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn X, bà Nguyễn Thị M liên đới trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện M số tiền vốn gốc 350.000.000 đồng, lãi trong hạn 25.200.000 đồng, lãi quá hạn 1.202.740 đồng. Tổng cộng 376.402.740 (ba trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm lẻ hai ngàn bảy trăm bốn mươi đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/3/2021 theo hợp đồng tín dụng số 7103-LAV-201903664 ngày 09/10/2019 đến khi trả hết nợ.

Nếu ông X, bà M không tự nguyện thi hành số tiền được xác định thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện M phát mãi tài sản mà ông X, bà M đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 2019.07.17.0112/HĐTC ngày 09/10/2019 để thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền như nội dung bản án đã tuyên.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông X, bà M liên đới chịu 18.800.000 (mười tám triệu tám trăm ngàn) đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện M số tiền tạm

ứng án phí 9.410.000 (chín triệu bốn trăm mười ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000583 ngày 27/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2014.*

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Trần Thanh Phong**

